

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày: 08/3/2024.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Minh.
- Ông Tạ Công Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang:**
Không tham gia.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 484/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn Ú, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn ông Trần Văn Ú bày:**

Vào khoảng tháng 02/2020, ông có tham gia chơi hụi cho bà T làm chủ với hụi loại 1.000.000 đồng/tháng, có tất cả 19 phân, ông tham gia đóng được 13 kỳ

với số tiền là 10.400.000 đồng. Đến tháng 01/2022, ông tham gia tiếp dây hụi loại 2.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng ông đóng tiền hụi sống là 1.600.000 đồng, ông đóng được 04 kỳ với số tiền là 6.400.000 đồng.

Khoảng tháng 4/2022, ông nghe nói bà **T** bẻ hụi, ông đến nhà gặp bà **T** thì bà **T** xin trả vốn và ông đồng ý, bà **T** hứa sau 01 tháng sẽ trả tiền cho ông nhưng cho đến nay bà **T** vẫn chưa trả theo thỏa thuận.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà **T** trả cho ông số tiền hụi còn nợ là 16.800.000 đồng.

** Theo bản tự khai và biên bản hoà giải bị đơn bà **Phan Thị Thanh T** trình bày:*

Bà thừa nhận bà có làm chủ hụi và ông **Ú** có tham gia các dây hụi do bà làm chủ. Bà thống nhất số tiền hụi còn nợ ông **Ú** là 16.800.000 đồng, tuy nhiên do hiện tại hoàn cảnh khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng 100.000 đồng.

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn ông **Ú** vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi bà **T** trả cho ông số tiền hụi là 16.800.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, ông không yêu cầu bà **T** trả lãi đối với số tiền trên.

Bị đơn bà **T** thống nhất các dây hụi ông **Ú** tham gia ông **Ú** đều chưa hốt, bà thống nhất bà còn nợ ông **Ú** số tiền hụi là 16.800.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của ông **Ú**, nhưng bà không khả năng trả 01 lần, bà xin được trả mỗi tháng từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông **Ú** khởi kiện yêu cầu bà **T** trả cho ông số tiền hụi mà bà **T** nợ ông. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông **Ú** yêu cầu bà **T** trả cho ông số tiền hụi là 16.800.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông **Ú** là có căn cứ bởi lẽ bà **T** thừa nhận ông **Ú** có tham gia chơi hụi do bà làm chủ và ông **Ú** vẫn chưa hốt hụi, bà thừa nhận các dây hụi ông **Ú** tham gia đều bị bẻ hụi và bà còn nợ ông **Ú** số tiền hụi là 16.800.000 đồng, bà **T** đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của ông **Ú**. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Ú** đòi bà **T** trả cho ông số tiền hụi là 16.800.000 đồng.

[3] Về thời gian trả: Ông **Ú** yêu cầu bà **T** trả cho ông số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà **T** xin trả dần mỗi tháng từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng nhưng ông **Ú** không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà **T** làm chủ hụi nhưng để bẻ hụi, sau khi bẻ hụi bà đã thỏa thuận với ông **Ú** sau 01 tháng sẽ trả nhưng cho đến nay bà vẫn chưa trả tiền cho ông **Ú** là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi và làm ảnh hưởng đến lợi ích của ông **Ú**. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông **Ú** là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật

nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bà **T** có nghĩa vụ trả cho ông **Ú** số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về lãi suất: Ông **Ú** không yêu cầu bà **T** trả lãi đối với số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà **T** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà **N**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn Ú** đối với bà **Phan Thị Thanh T**.

Buộc bà **T** có nghĩa vụ trả cho ông **Ú** số tiền 16.800.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông **Ú** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà **T** chậm trả số tiền nêu trên thì bà **T** còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Bà **T** phải chịu 840.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại ông **Ú** số tiền 420.000 đồng tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số 0010548 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh